CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Cà phê Gia Lai

Ngày 30/09/2024	11,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**0%**

DT thuần
Q3/24
0.06
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.09| -57.9%
YoY: ▲ 0.04| 215%

LN thuần
Q3/24
-2.78
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.08| 2.6%
YoY: ▲ 0.29| 9.3%

LN sau thuế
Q3/24
-7.99
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.12| -178%
YoY: ▼4.89| -158%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
-10046%
YoY: +/-▼ 9302%

ROE (TTM)
Q3/24
-39.0%
YoY: +/-▼ 16.8%

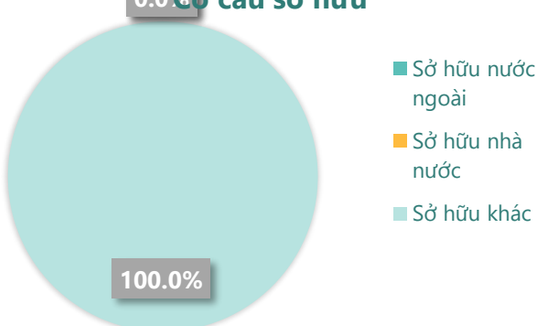
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,000 - 12,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	161
Số lượng CPLH (CP)	14,676,300
KLGD BQ 20 phiên (CP)	65
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.01)
EPS	-1,100
P/E	-10.0

DT thuần
9T 2024
0.24
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.15| 160%

LN thuần
9T 2024
-8.38
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.09| 11.6%

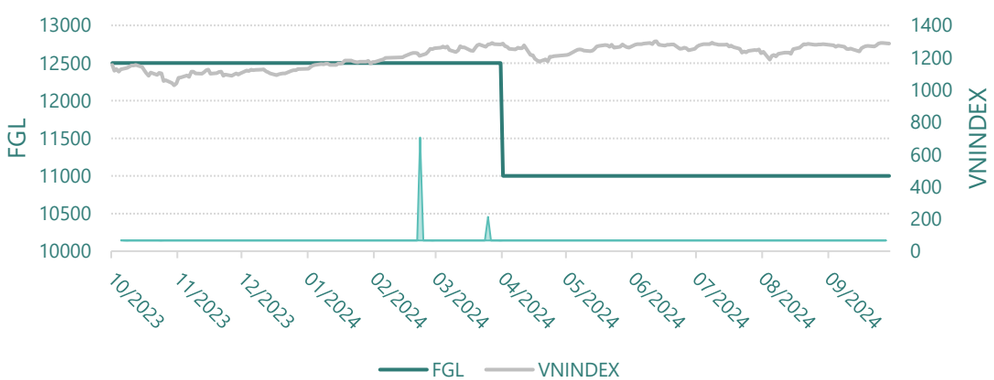
LN sau thuế
9T 2024
-13.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.72| -39.7%

Cơ cấu sở hữu

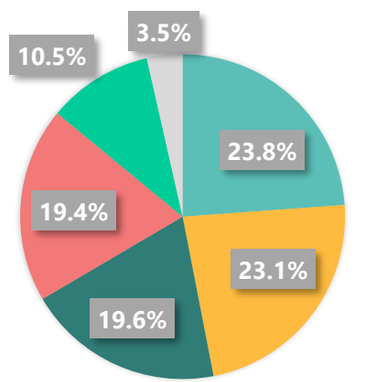


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

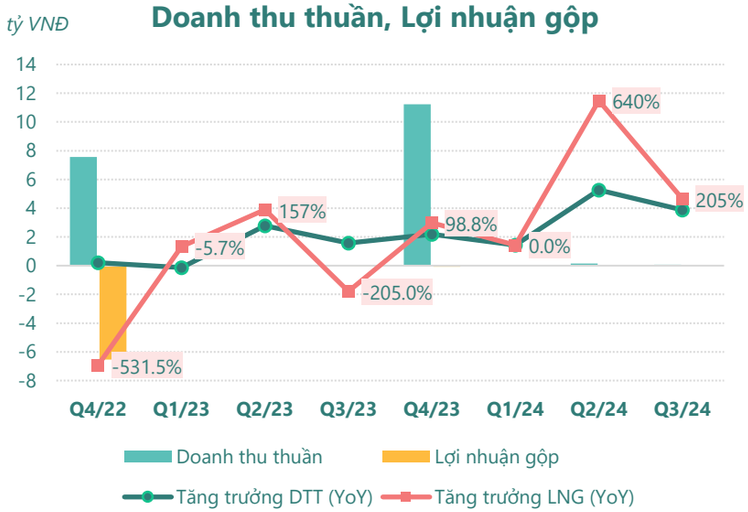


- CTCP Đầu tư Legend HighLand
- CTCP Năng lượng Nghĩa Hưng
- Lê Thị Thu Vân
- Trịnh Quang Hưng (Chủ tịch HĐQT)
- Trịnh Quang Vinh (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

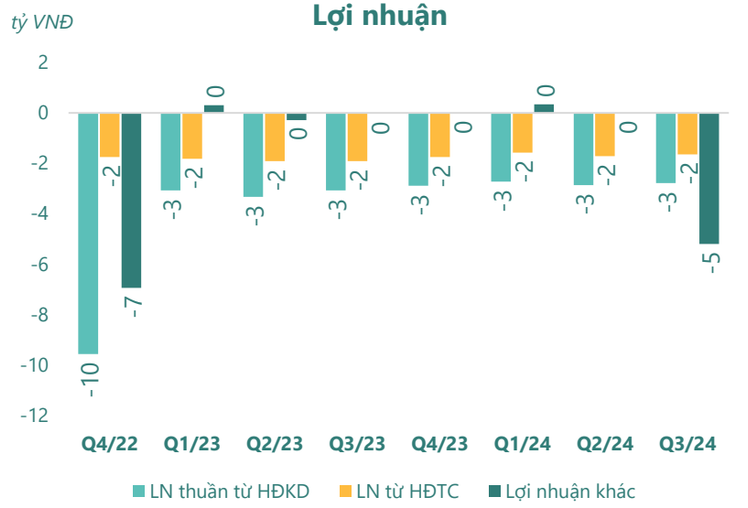
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



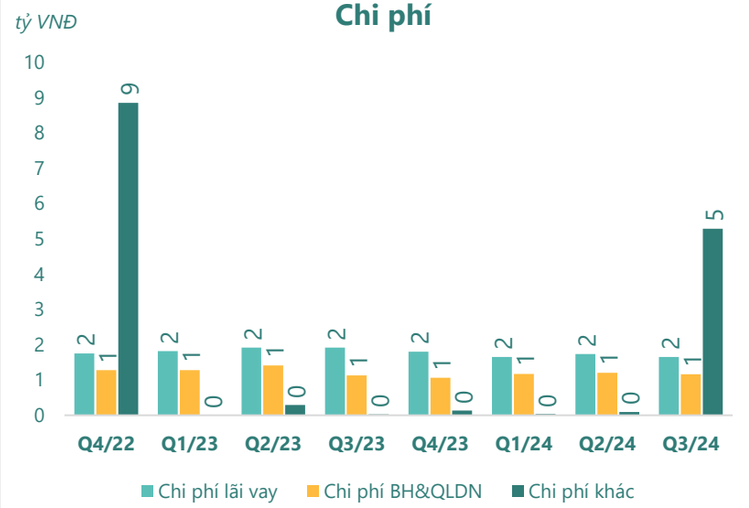
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



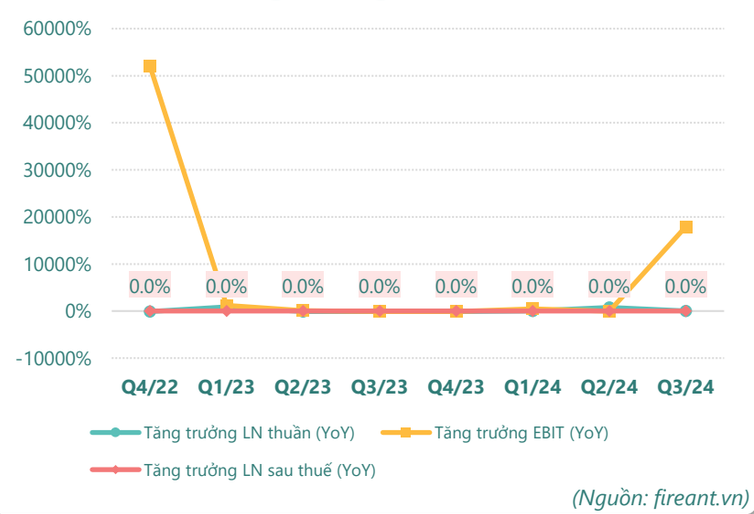
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



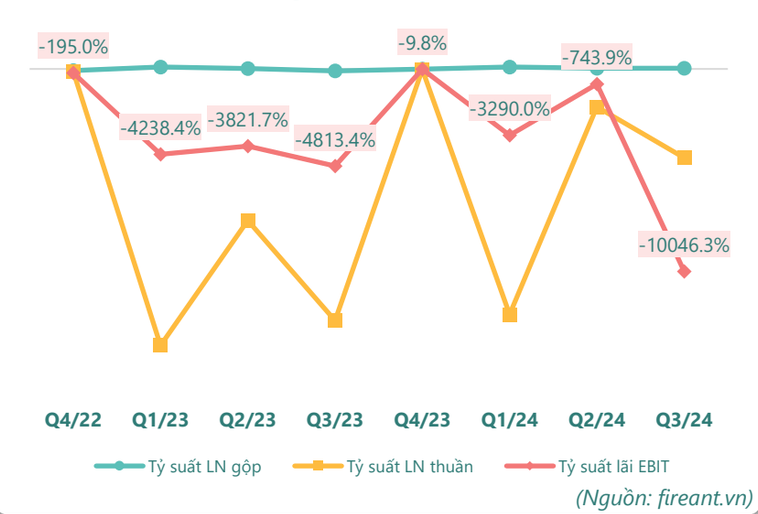
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



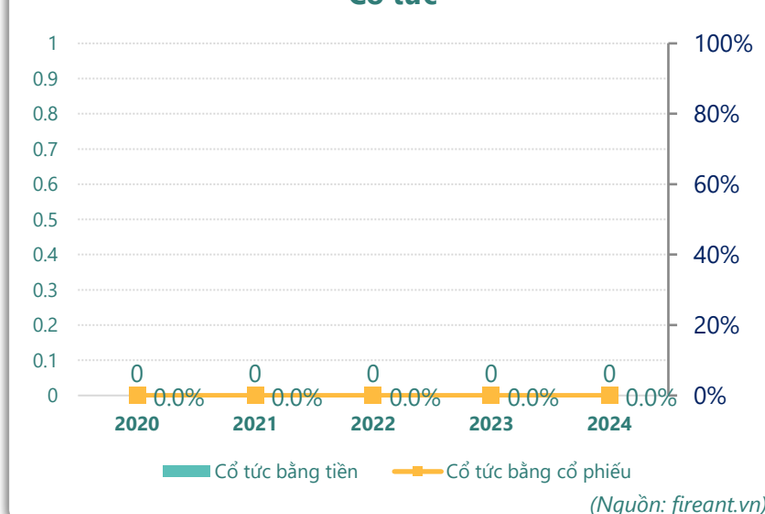
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

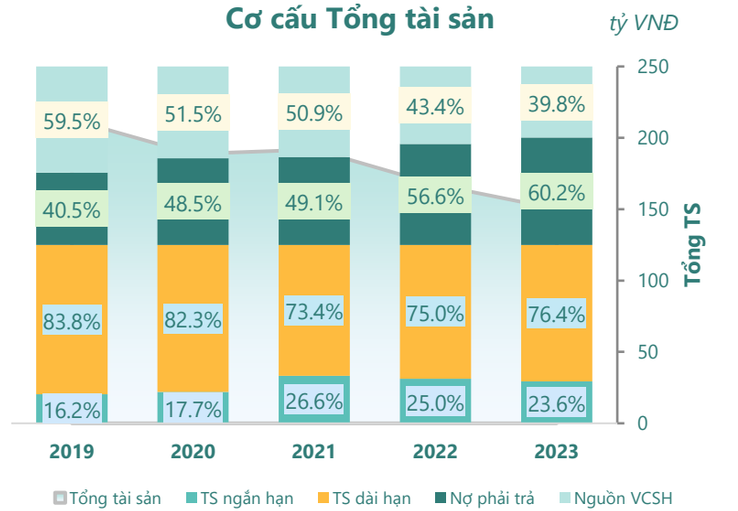
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

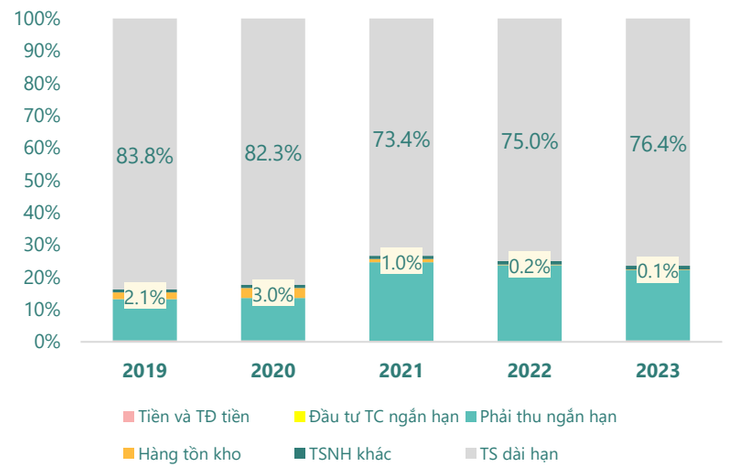
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



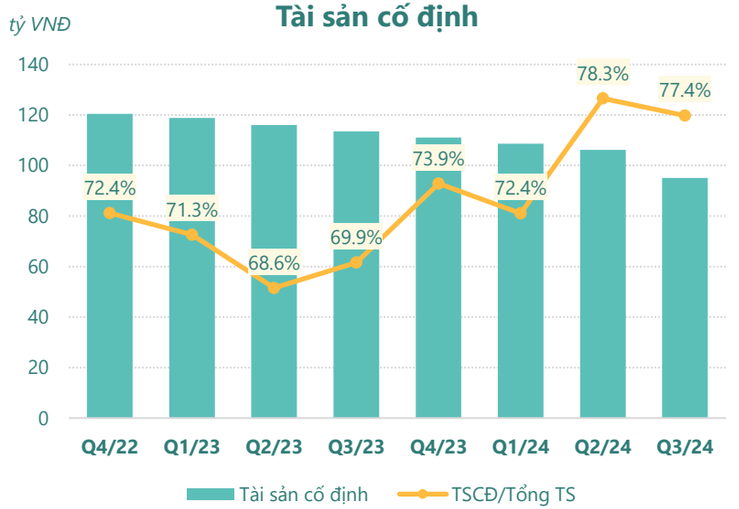
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



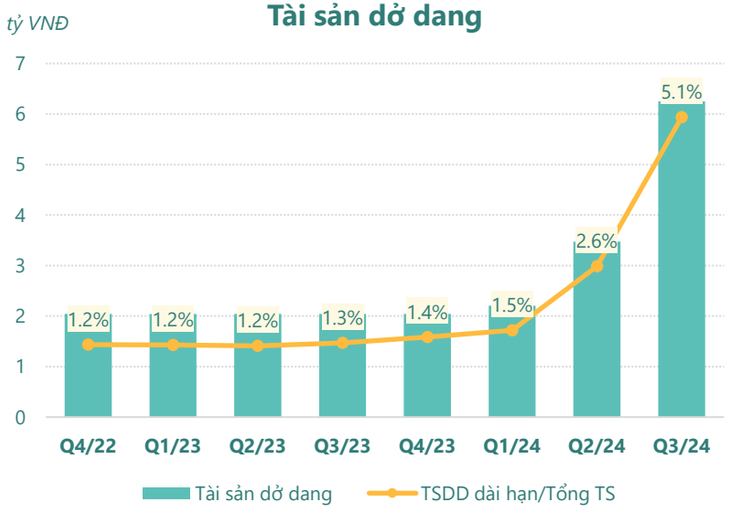
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



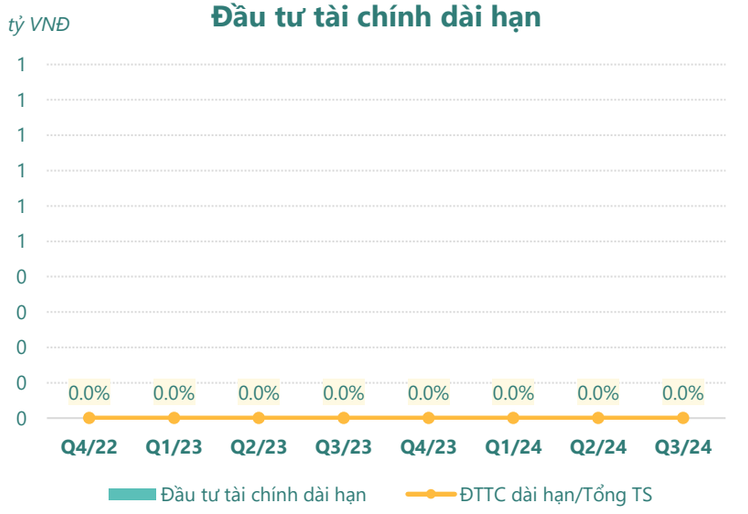
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



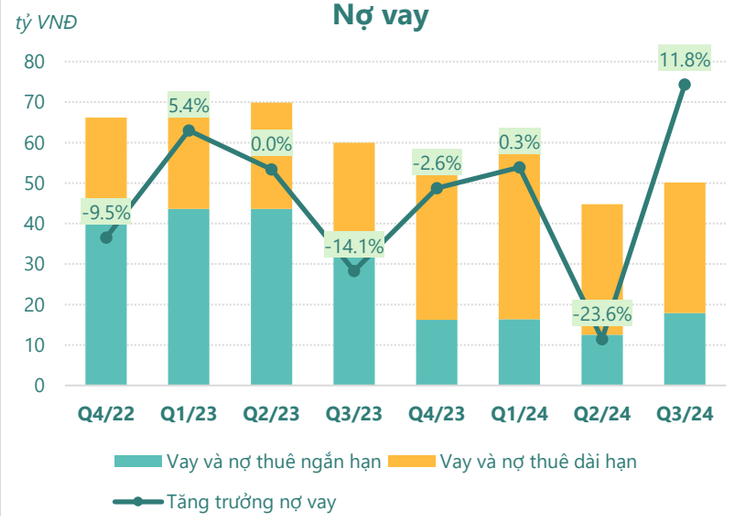
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

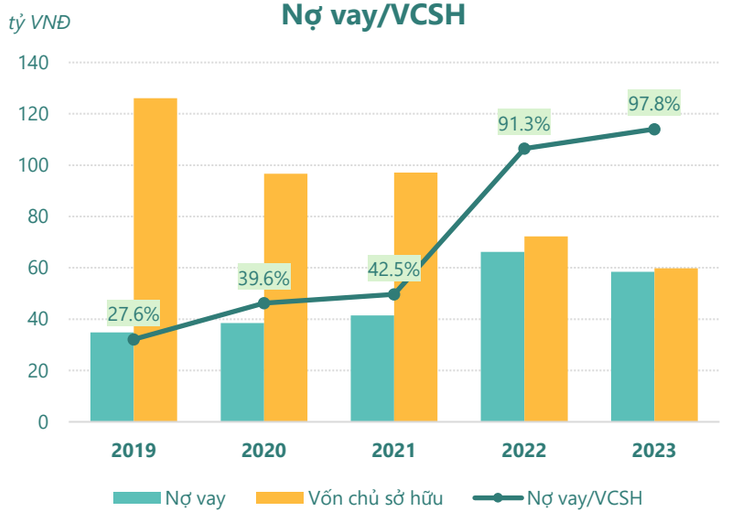
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

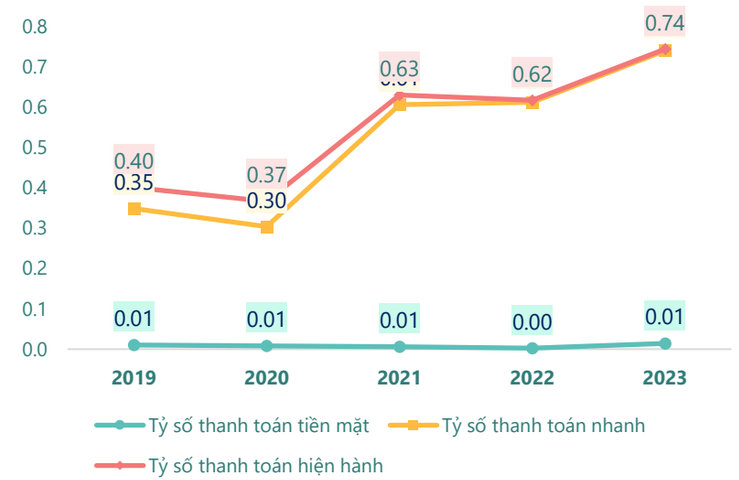
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



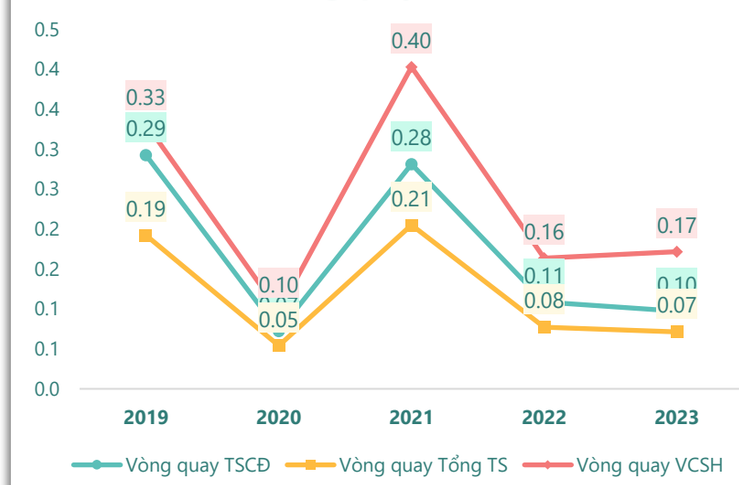
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



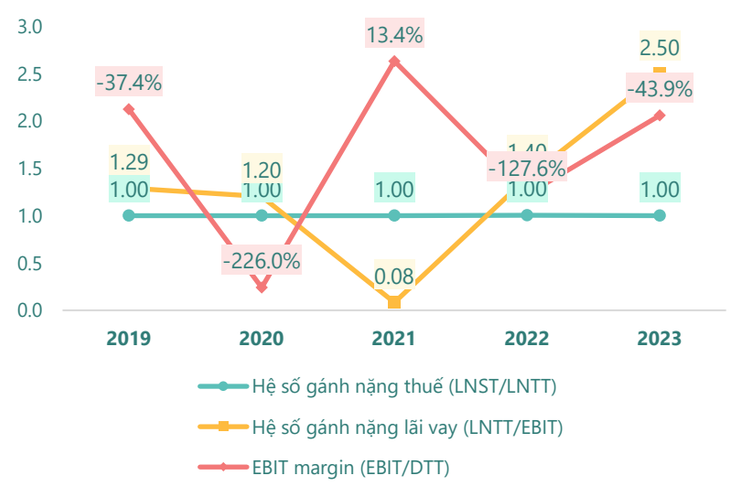
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



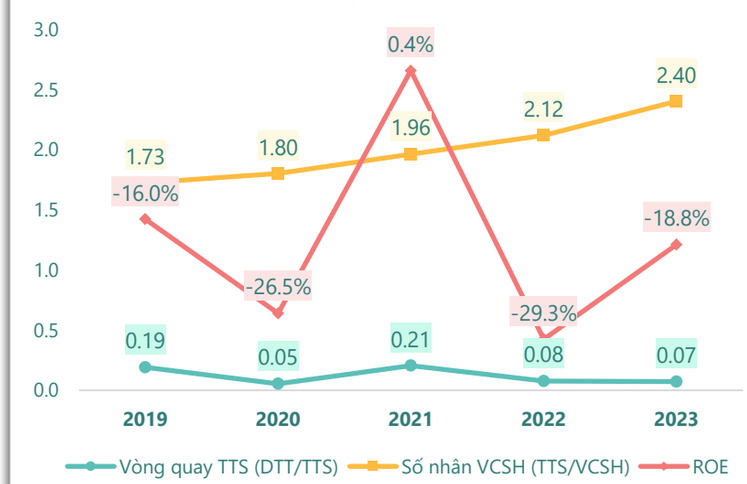
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



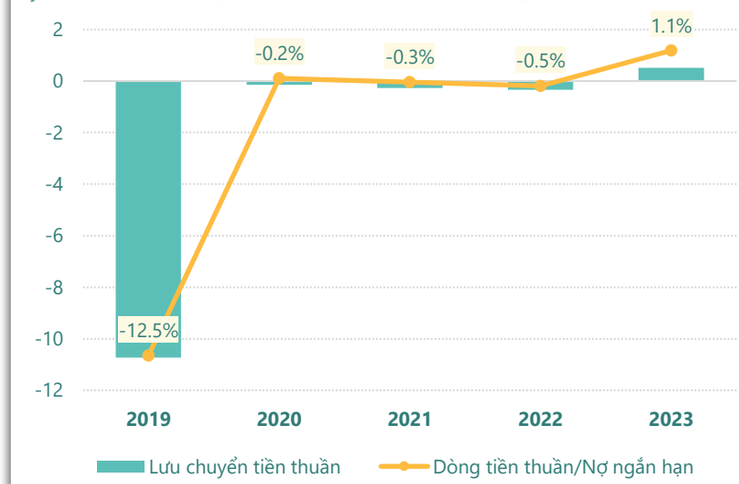
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.06**	**0.02**	**215%**	**0.24**	**0.09**	**160%**
Giá vốn hàng bán	0.04	0.05	-23.3%	0.13	0.08	58.6%
Lợi nhuận gộp	0.02	-0.02	224%	0.10	0.01	1516%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.10	0.00	2859%
Chi phí TC	1.65	1.92	-14.0%	5.04	5.66	-11.0%
Chi phí lãi vay	1.65	1.92	-14.0%	5.04	5.66	-11.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.00	0.00		0.00	0.00	-74.9%
Chi phí QLDN	**1.16**	**1.13**	**2.6%**	**3.54**	**3.82**	**-7.4%**
LN thuần từ HĐKD	-2.78	-3.07	9.3%	-8.38	-9.47	11.6%
Lợi nhuận khác	**-5.20**	**-0.03**	**-17248%**	**-4.87**	**-0.01**	**-53037%**
LN trước thuế	-7.99	-3.10	-158%	-13.2	-9.48	-39.7%
Lợi nhuận sau thuế	**-7.99**	**-3.10**	**-158%**	**-13.2**	**-9.48**	**-39.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-7.99**	**-3.10**	**-158%**	**-13.2**	**-9.48**	**-39.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-5.74	6.90	2.45	4.29	5.49	3.75
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0	0	-0.06	-0.03	-0.03
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	5.93	-6.83	-2.23	-4.83	-5.51	-3.60
Tiền đầu kỳ	0.19	0.38	0.46	0.68	0.07	0.03
Lưu chuyển tiền thuần	**0.19**	**0.07**	**0.22**	**-0.61**	**-0.04**	**0.12**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.38	0.46	0.68	0.07	0.03	0.15

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**123**	**150**	**-18.2%**
Tài sản ngắn hạn	20.1	35.4	-43.1%
Tiền và tương đương tiền	0.15	0.68	-78.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	8.18	32.7	-75.0%
Hàng tồn kho	9.98	0.18	5508%
Tài sản ngắn hạn khác	1.84	1.85	-0.4%
Tài sản dài hạn	**103**	**115**	**-10.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	95.1	111	-14.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.25	2.14	192%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.36**	**1.59**	**-14.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	103	90.4	13.7%
Nợ ngắn hạn	**70.0**	**47.6**	**47.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	17.9	16.2	10.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.59	0.08	615%
Nợ dài hạn	32.8	42.8	-23.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	32.3	42.3	-23.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**20.1**	**59.8**	**-66.4%**
Vốn chủ sở hữu	**20.1**	**59.8**	**-66.3%**
Vốn điều lệ	147	147	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**-0.08**	**0.00**	**-1510%**

(Nguồn: fireant.vn)